

-----  
**ĐỀ CHÍNH THỨC**  
(Đề gồm có 02 trang)

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc văn bản dưới đây:**

*Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.*

*Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.*

*Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.*

*Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.*

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục 2019)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Anh/Chị hiểu thế nào về câu nói: *Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la?*

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất.

**Câu 4.** Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: *Dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi ?* Vì sao?

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1. (2,0 điểm)**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong phần Đọc hiểu: *Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.*

**Câu 2. (5,0 điểm)** Thí sinh chọn câu theo đúng khối, lớp của mình.

**Câu 2.a. Dành cho học sinh khối A, A1 và lớp A15.**

Cảm nhận của anh/chị về đoạn trích sau:

*Từng nghe:*

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

*Như nước Đại Việt ta từ trước,*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*

*Núi sông bờ cõi đã chia,  
Phong tục Bắc Nam cũng khác.  
Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.  
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,  
Song hào kiệt đời nào cũng có.  
Vậy nên:  
Lưu Cung tham công nên thất bại,  
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong.  
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,  
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.  
Việc xưa xem xét,  
Chứng cứ còn ghi.*

*(Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi, Ngữ văn 10,  
Tập hai, NXB Giáo dục 2006, trang 17.)*

**Câu 2.b. Dành cho học sinh khối D.**

Nhận xét về tác phẩm *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, có ý kiến cho rằng: *Bài phú thể hiện lòng yêu nước sâu sắc và tư tưởng nhân văn cao đẹp.*

Anh/Chị hãy phân tích tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- **Hết** -----

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

**Họ tên thí sinh:.....SBD:.....**

## HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 10

<b>I. ĐỌC HIỂU</b>	<b>Câu</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Điểm</b>
	<b>1</b>	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	<b>0,5</b>
	<b>2</b>	Câu nói: <i>Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la</i> có nghĩa là: tài năng, hiểu biết của mỗi con người tuy quan trọng nhưng hữu hạn, nhỏ bé trong thế giới rộng lớn, vô hạn. Vì vậy, mỗi con người luôn phải cố gắng trau dồi, phấn đấu không ngừng.	<b>0,5</b>
	<b>3</b>	- Biện pháp tu từ: + Liệt kê: liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn: <i>tự cho mình là kém, phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, học hỏi thêm.</i> + Lặp cấu trúc ngữ pháp: <i>Người có tính khiêm tốn...</i> - Tác dụng : + Nhấn mạnh, diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những biểu hiện của khiêm tốn. + Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, làm cho cách diễn đạt thêm sinh động.	<b>1,0</b>
	<b>4</b>	- Học sinh trình bày, nêu rõ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình. - Lí giải hợp lí, thuyết phục về mối quan hệ giữa tài năng và quá trình học tập, tích lũy tri thức.	<b>1,0</b>
<b>II. LÀM VĂN</b>	<b>1</b>	Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong phần Đọc hiểu: <i>Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.</i>	<b>2.0</b>
		<b>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận</b> - Đảm bảo yêu cầu hình thức của đoạn văn, khoảng 200 chữ. - Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, qui nạp, tổng – phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	<b>0.25</b>
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</b> Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.	<b>0.25</b>
		<b>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</b> Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vấn đề: <i>Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.</i> Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: <b>1. Giải thích (0,25 điểm):</b> Khiêm tốn là sự ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân, không tự đề cao, không kiêu căng, tự phụ. <b>2. Bàn luận (0,25 điểm):</b> Con người luôn phải khiêm tốn vì:	<b>1.0</b>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi con dù có tài năng đến đâu cũng chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la.</li> <li>- Khiêm tốn là phẩm chất quan trọng và cần thiết của con người. Khiêm tốn giúp con người biết mình và hiểu người, được mọi người trân trọng, yêu quý....</li> <li>- Khiêm tốn là điều không thể thiếu giúp con người thành công trong cuộc sống.</li> <li>- Khiêm tốn là một đức tính cần thiết, nhưng khiêm tốn không có nghĩa là là mặc cảm, tự ti.</li> </ul> <p><b>3. Bàn luận mở rộng(0,25 điểm):</b> Phê phán những người thiếu khiêm tốn, luôn tự cao, tự đại.</p> <p><b>4. Bài học nhận thức và hành động(0,25 điểm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nhận thấy rằng khiêm tốn là đức tính rất cần thiết cho con người.</li> <li>- Cần phải trau dồi, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức tốt đẹp này.</li> </ul>	
	<b>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt	<b>0.25</b>
	<b>e. Sáng tạo</b> Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	<b>0.25</b>
<b>2a</b>	Cảm nhận của anh/chị về đoạn trích sau: “ <i>Từng nghe:</i> ..... <i>Chứng cứ còn ghi</i> ”. ( <i>Đại cáo bình Ngô</i> – Nguyễn Trãi, <i>Ngữ văn 10, Tập hai</i> , NXB Giáo dục 2006, trang 17)	<b>5.0</b>
	<b>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</b> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	<b>0.25</b>
	<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</b> cảm nhận đoạn mở đầu trong <i>Đại cáo bình Ngô</i> .	<b>0.5</b>
	<b>c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</b> <b>1. Vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận (0.5 điểm)</b> - Giới thiệu về tác giả và tác phẩm: + Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà thơ trữ tình sâu sắc mà còn là một nhà văn chính luận kiệt xuất với các tác phẩm: <i>Quân trung từ mệnh tập</i> , chiếu biểu viết dưới thời nhà Lê và tiêu biểu nhất là tác phẩm <i>Đại cáo bình Ngô</i> . + Bài cáo được xem là áng <i>thiên cổ hùng văn</i> , có giá trị như một bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc. - Giới thiệu đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần đầu bài cáo. Nguyễn Trãi đã nêu nguyên lí chính nghĩa làm chỗ dựa, làm căn cứ	<b>3.5</b>

xác đáng để triển khai toàn bộ nội dung tác phẩm.

## **2. Triển khai các luận điểm chính**

### **a. Khái quát chung (0,25 điểm):**

- Thời điểm ra đời tác phẩm: kết thúc giai đoạn hào hùng của cuộc kháng chiến giành lại chủ quyền dân tộc và mở ra kỉ nguyên mới của một nước Đại Việt hùng cường.

- *Đại cáo bình Ngô* mở đầu với cảm hứng về chính nghĩa. Lập trường chính nghĩa của Nguyễn Trãi có hai nội dung chính: nguyên lí nhân nghĩa, một nguyên lí có tính chất chung của các dân tộc, của nhiều thời đại và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của nước Đại Việt đã được chứng minh bằng thực tế lịch sử.

### **b. Cảm nhận đoạn trích: (2,5 điểm)**

#### **\* Tư tưởng nhân nghĩa: (0,75 điểm)**

- Tư tưởng nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí; “*nhân nghĩa*” là “*yên dân trừ bạo*”, là tiêu trừ tham tàn bạo ngược, bảo vệ cuộc sống yên ổn của dân.

- Nguyễn Trãi đã chất lọc yếu tố tích cực nhất trong tư tưởng này là chủ yếu để yên dân, trước nhất phải trừ bạo. Đồng thời tác giả đem đến một nội dung mới, lấy từ thực tiễn dân tộc đưa vào tư tưởng nhân nghĩa: nhân nghĩa phải gắn liền với chống xâm lược. Chống xâm lược để an dân, tức thực hiện nhân nghĩa, có như vậy mới bóc trần luận điệu nhân nghĩa xảo trá của địch, mới phân định rạch ròi ta là chính nghĩa, giặc xâm lược là phi nghĩa.

#### **\* Chân lí khách quan về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của dân tộc Đại Việt: (1,25 điểm)**

- Nguyễn Trãi đã đưa ra các yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc: cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, nền văn hiến lâu đời và lịch sử riêng, chế độ riêng với “*hào kiệt đời nào cũng có*”. Những thực tế khách quan mà tác giả đưa ra là chân lí không thể phủ nhận. Nêu chân lí khách quan, đồng thời Nguyễn Trãi đã phát biểu một cách hoàn chỉnh quan niệm của mình về quốc gia, dân tộc.

- Nêu chân lí khách quan về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của dân tộc Đại Việt để tăng thêm sức thuyết phục, Nguyễn Trãi đã so sánh ta với Trung Quốc, khẳng định tư thế độc lập ngang hàng của Đại Việt với các triều đại phong kiến phương Bắc (Triệu, Đinh, Lí, Trần ngang hàng với Hán, Đường, Tống, Nguyên).

- Nêu nguyên lí nhân nghĩa, chân lí khách quan, Nguyễn Trãi đưa ra những chứng minh đầy tính thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa, của chính nghĩa đồng thời thể hiện niềm tự hào dân tộc: Lưu Cung bị thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô, Ô Mã, kẻ bị giết, người bị bắt. Đó là hậu quả thất bại tất yếu của kẻ thù khi chúng

	<p>xâm phạm đến độc lập chủ quyền của dân tộc ta.</p> <p><i>* Nghệ thuật của đoạn trích (0,5 điểm):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác giả sử dụng những từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời của nước Đại Việt độc lập, tự chủ. Bản dịch đã cố gắng lột tả bằng các từ “<i>từ trước</i>”, “<i>vốn có</i>”, “<i>đã lâu</i>”, “<i>đã chia</i>”, “<i>cũng khác</i>”.</li> <li>- Sử dụng biện pháp so sánh.</li> <li>- Câu văn biến ngẫu cân xứng, nhịp nhàng.</li> <li>- Cách lập luận kết hợp hài hòa giữa lí luận và thực tiễn.</li> <li>- Giọng văn trang trọng, hào hùng.</li> </ul> <p><b>c. Đánh giá (0,25 điểm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng sáng tạo tư tưởng Nho giáo, đoạn mở đầu của tác phẩm đã nêu cao cơ sở chính nghĩa của cuộc kháng chiến và biểu lộ niềm tự hào dân tộc.</li> <li>- Đoạn trích cũng cho thấy tài năng viết văn chính luận của Nguyễn Trãi đồng thời góp phần vào sự thành công rực rỡ của áng <i>thiên cổ hùng văn Đại cáo bình Ngô</i>.</li> </ul>	
	<p><b>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</b></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt</p>	<b>0.25</b>
	<p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận</p>	<b>0.5</b>
<b>2b</b>	<p>Nhận xét về tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i> của Trương Hán Siêu, có ý kiến cho rằng: <i>Bài phú thể hiện lòng yêu nước sâu sắc và tư tưởng nhân văn cao đẹp.</i></p> <p>Anh/Chị hãy phân tích tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	<b>5.0</b>
	<p><b>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</b> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	<b>0.25</b>
	<p><b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</b> <i>Bài phú thể hiện lòng yêu nước sâu sắc và tư tưởng nhân văn cao đẹp.</i></p>	<b>0.5</b>
	<p><b>c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo các yêu cầu sau:</b></p> <p><b>1. Vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận (0.5 điểm)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu khái quát về tác giả Trương Hán Siêu, tác phẩm <i>Phú sông Bạch Đằng</i>.</li> <li>+ Trương Hán Siêu là một người có học vấn uyên thâm, từng tham gia kháng chiến chống quân Mông – Nguyên, được các vua Trần tin cậy, nhân dân kính trọng.</li> <li>+ Tác phẩm của ông hiện còn lại không nhiều, trong đó <i>Bạch Đằng giang phú</i> được xếp vào hàng kiệt tác. Tác phẩm bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước và chứa chan niềm tự hào dân tộc.</li> <li>- Trích dẫn nhận định.</li> </ul>	<b>3.5</b>

## **2. Triển khai các luận điểm chính**

### **2.1. Giải thích (0.5 điểm):**

- *Bài phú thể hiện lòng yêu nước sâu sắc*: Cảm hứng yêu nước là một nội dung lớn xuyên suốt trong văn học Việt Nam. Lòng yêu nước biểu hiện đa dạng, phong phú trong văn học. Đó là tình yêu thiên nhiên, quê hương, yêu những nét đẹp văn hóa, phong tục của dân tộc. Là lòng căm thù giặc, tinh thần xả thân, hi sinh bảo vệ Tổ quốc, âm hưởng hào hùng trong những ngày tháng chiến đấu và cả sự ngợi ca, trân trọng, biết ơn đến những bậc anh hùng. *Phú sông Bạch Đằng* thể hiện lòng yêu nước sâu sắc. Trương Hán Siêu đã “*thổi*” nguồn cảm hứng yêu nước qua những cảm xúc trước thiên nhiên và niềm tự hào trước lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

- *Bài phú thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp*: Tác phẩm đã đề cao vai trò và vị trí của con người, đề cao đạo lí nhân nghĩa của dân tộc. Chính điều này làm nên nét khác biệt của bài phú so với các tác phẩm cùng viết một đề tài và nội dung cảm hứng.

=> Ý kiến trên đã khẳng định nét đặc sắc trong nội dung tư tưởng của bài phú, đem đến cái nhìn sâu sắc về giá trị của tác phẩm.

### **2.2. Phân tích + Chứng minh (2,5 điểm)**

#### **a. Bài phú thể hiện lòng yêu nước sâu sắc (1,25 điểm):**

\* *Yêu cảnh sắc thiên nhiên, trân trọng những giá trị lịch sử của dân tộc (0,5 điểm)*:

- Mở đầu tác phẩm là sự xuất hiện của nhân vật “*khách*” – cái tôi trữ tình phân thân của tác giả. Khách là người có thú tiêu dao, ngao du sơn thủy, mặc dù “*Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết*” nhưng “*tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết*”. Vì vậy tâm hồn khoáng đạt đầy hoài bão ấy đã tìm đến sông Bạch Đằng như một giải pháp để thỏa mãn thú tiêu dao của mình. Bạch Đằng là dòng sông đã ghi dấu nhiều chiến công lịch sử. Đến với Bạch Đằng để cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, để tìm hiểu về lịch sử dân tộc

- Cảnh sông Bạch Đằng qua cảm nhận của “*khách*”:

*Bát ngát sóng kinh muôn dặm*

*Thướt tha đuôi trĩ một màu*

*Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba thu.*

→ Bằng vài nét chấm phá đầy lãng mạn, tinh tế đã làm nên vẻ đẹp của cảnh mùa thu trên dòng sông lịch sử. Có đường nét dữ dội, cuộn trào, bát ngát trong *sóng kinh muôn dặm*. Có vẻ mềm mại, hiền hòa, thướt tha, nên thơ trong những con *thuyền bơi một chiều* như *đuôi trĩ một màu*. Có phong nền hòa hợp, nhất thể giữa sóng nước với mây trời. Phải có một lòng say mê với thiên nhiên mới có một bức họa đỉnh cao trong văn chương như thế.

*Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu.*

*Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô,*

→ Nhân vật khách tìm kiếm những dấu vết lịch sử lưu lại của những chiến công lẫy lừng, vang dội trên sông Bạch Đằng. Đó là nỗi niềm hoài cổ trước một cảnh trí đầy tiêu sơ. Cảnh đẹp nhưng đượm buồn đã chạm đến cảm thức thi nhân khiến mọi thứ trở nên u buồn, thương tiếc, xót xa, ngậm ngùi. Điều ấy đã gợi lên một nỗi niềm mong mỏi, cần phải tiếp tục giữ gìn, trân trọng những gì đã qua, nhất là những giá trị lịch sử linh thiêng của dân tộc.

*\* Niềm tự hào trước lịch sử chống giặc ngoại xâm oai hùng của dân tộc (0,75 điểm):*

- Sông Bạch Đằng là nơi ghi dấu chiến thắng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, là nơi chứng kiến hào khí Đông A của nhà Trần phá tan quân Mông - Nguyên. Các bộ lão tượng trưng cho tiếng nói của lịch sử, đã kể cho “khách” nghe những hồi ức oanh liệt về thủy trận Bạch Đằng. (phân tích đoạn 2)

*Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới.*

*Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói,*

*Trận đánh được thua chưa phân,*

*Chiến lũy bắc nam chống đối.*

*Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ,*

*Bầu trời đất chừ sắp đổi...*

→ Nghệ thuật liệt kê, phóng đại, đối lập, so sánh, điển tích điển cổ... đã tái hiện không khí chiến trận hào hùng với giọng điệu hào sảng, đầy niềm tự hào dân tộc. Cuối cùng quân ta - người chính nghĩa đã chiến thắng, bọn giặc “hung đồ hết lối”, chuốc lấy mối nhục muôn đời *Mà nhục quân thù khôn rửa nổi.*

***b. Bài phú thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp (0,75 điểm):***

+ Hoài cảm về quá khứ: Đứng trước thiên nhiên bát ngát hùng vĩ của dòng sông Bạch Đằng, tác giả không chỉ cảm thấy tự hào khi hồi tưởng lại quá khứ chống giặc ngoại xâm oai hùng của dân tộc mà còn có cả nỗi buồn, trong niềm vui còn xen lẫn cả sự tiếc nuối: “*Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá, /Tiếc thay dấu vết luống còn lưu!*”. Cảnh vẫn còn nhưng những người anh hùng lập nên chiến tích ấy giờ đây đã thành người thiên cổ. Ngay khi đang tự hào nhất, thì giọng điệu bài phú vẫn trùng xuống bởi nỗi đau hoài cổ: “*Đến bên sông chừ hổ mặt/Nhớ người xưa chừ lệ chan*”.

+ Đề cao vai trò, vị trí của con người trong lịch sử: Bao nhiêu năm sau chiến thắng, các bộ lão đã cất nhắc nguyên nhân thắng lợi của dân tộc mình, trong đó điều quyết định vẫn là ta có “*Nhân tài giữ cuộc điện an*”. Bởi vậy mà: “*Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng, /Bờ đại vương coi thế giặc nhàn*”. Tác giả gợi hình ảnh oai hùng của tướng quân Trần Hưng Đạo với câu nói nổi tiếng còn lưu sử sách: “*Năm nay, thế giặc nhàn*”. Câu nói thể hiện khí phách và



	<p>bản lĩnh của vị tướng với tầm nhìn chiến lược, trí tuệ sáng suốt.</p> <p>+ Cuối bài phú là hai lời ca:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lời ca của các bô lão vừa là lời tổng kết, vừa đúc kết chân lí vĩnh cửu ngàn đời: chính nghĩa luôn luôn thắng gian tà. Những kẻ bất nghĩa sẽ bị tiêu vong, chỉ có người anh hùng ngàn thu vẫn lưu danh thiên cổ: “<i>Những người bất nghĩa tiêu vong,/Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh</i>”.</li> <li>- Lời ca của “<i>khách</i>”, ngợi ca sự anh minh của hai vị thánh quân, đồng thời một lần nữa khẳng định vai trò của nhân tố con người: “<i>Giặc tan muôn thuở thẳng bình,/Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao</i>”. Lời ca đã thể hiện quan niệm tiến bộ, đầy nhân văn của tác giả về vai trò hàng đầu của con người, của chữ “<i>đức</i>” trong sự nghiệp chống ngoại xâm.</li> </ul> <p><b>c. Vài nét về nghệ thuật (0,25 điểm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài phú với kết cấu đơn giản mà hấp dẫn, bố cục chặt chẽ, hình tượng nghệ thuật sinh động, ngôn từ vừa trang trọng, hào sảng, vừa lắng đọng, gợi cảm.</li> <li>- Bài phú xứng đáng là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học trung đại Việt Nam.</li> </ul> <p><b>d. Đánh giá (0, 25 điểm):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định lại tính đúng đắn của ý kiến.</li> <li>- Chính lòng yêu nước sâu sắc, niềm tự hào về truyền thống dân tộc và tư tưởng nhân văn cao đẹp đã tạo nên sức hấp dẫn và giá trị trường tồn cho tác phẩm.</li> </ul>	
	<p><b>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu</b></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt</p>	<b>0.25</b>
	<p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận</p>	<b>0.5</b>
<b>Tổng điểm toàn bài</b>		<b>10</b>

----- Hết -----